TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2017
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN – TỈNH HÀ NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* ông Mạnh Xuân Hải;

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Tuấn.

2. Ông Nguyễn Văn Hoằng.

+ *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên;

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà*: Bà Ngô Thị Thanh Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/LHST - HNGĐ ngày 23/5/2017 về việc tranh chấp "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐST - HNGĐ ngày 15/6/2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Anh **Lê Quý H,** sinh năm 1982.

TQ: Thôn T, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam;

* ***Bị đơn***: Chị **Nguyễn Thị Ch (tức Nguyễn Thị L),** sinh năm 1989;

TQ: ThônT, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam

(Phiên tòa có mặt anh H; vắng mặt chị Ch (tức L).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Quý H trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Ch (tức Nguyễn Thị L)- SN 1989, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 23/5/2006 tại UBND xã Ch, huyện Duy Tiên. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống giữa anh và chị Ch không tìm được tiếng nói chung nên có nhiều bất đồng quan điểm mâu thuẫn với nhau. Vào tháng 4/2014, chị Ch (tức L) tự ý bỏ đi khỏi địa phương để lại hai con

chung cho anh nuôi. Sau khi chị Ch bỏ đi, anh và gia đình đã tìm kiếm chị Ch nhiều lần nhưng không có tin tức gì về việc chị Ch còn sống hay đã chết. Năm 2016, anh đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên tuyên bố vợ anh là chị Nguyễn Thị L (tức Ch) mất tích.

Ngày 08/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên đã tuyên bố vợ anh là chị Nguyễn Thị L (Ch) mất tích. Đến nay anh vẫn không có thông tin gì của chị L (Ch), anh xác đinh tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Ch (L) không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ch (L).

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hải Ph, sinh ngày 27/9/2006 và cháu Lê Hải T, sinh ngày 25/2/2009. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị Ch (L) cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung; công sức; công nợ của vợ chồng: Anh xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc thụ lý vụ án gửi chị Ch (L), đồng thời ban hành các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự để tống đạt cho thân nhân của chị Ch (L) nhưng không thấy chị Ch (L) đến Tòa án để giải quyết việc anh H xin ly hôn.

Theo chị Nguyễn Thị Tr, chị gái ruột chị Ch (L) cho biết: Chị Ch (L) là vợ của anh Lê Quý H hiện nay vẫn biệt tích, gia đình không biết đang làm gì, ở đâu. Ngoài ra chị Tr, cũng xác nhận vợ chồng anh H, chị Ch (L) có 02 con chung là cháu Lê Hải Ph và cháu Lê Hải T. Khi chị Ch (L) bỏ đi để lại hai cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc anh Lê Quý H xin ly hôn, gia đình cũng hoàn toàn đồng ý.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình là xin ly hôn với chị Ch (L).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng: các Điều 28, 35, 39, 147; 227; 228 BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14. Xử ly hôn giữa Lê Quý H và chị Nguyễn Thị Ch (tức Nguyễn Thị L); Giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hải Ph, sinh ngày 27/9/2006 và cháu Lê Hải T, sinh ngày 25/2/2009 cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được. Chị Ch (L) không phải cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản, công sức, công nợ của vợ chồng không đặt ra giải quyết; Về án phí HNGĐ sơ thẩm anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã đ□ợc thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của đ□ơng sự và đại diện Viện kiểm sát huyện Duy Tiên phát biểu việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

**Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là chị Nguyễn Thị Ch (tức Nguyễn Thị L) vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập phiên tòa cũng như tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi chị Ch (L) cư trú cuối cùng, nhưng chị Ch vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

* *Về điều kiện thủ tục kết hôn*: Anh Lê Quý H và chị Nguyễn Thị Ch (tức Nguyễn Thị L) kết hôn cùng nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 23/5/2006 tại UBND xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam nên được xác định là cuộc hôn nhân hợp pháp.

* *Về quan hệ tình cảm của vợ chồng*: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do trong cuộc sống vợ chồng giữa hai người không tìm được tiếng nói chung, chị Ch (L) đã bỏ nhà đi biệt tích từ tháng 4/2014 đến nay. Anh H và gia đình hai bên cũng đã đi tìm nhiều lần nhưng không thấy tin tức gì của chị Ch (L). Nay anh H cho rằng giữa anh và chị Ch (L) không còn tình cảm gì nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ch (L). Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị Ch (L) đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại thời điểm hiện nay không rõ tung tích của chị Ch (L) ở đâu và Tòa án đã ra quyết định tuyên bố chị Ch (L) mất tích. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị Ch là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định tại điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật HN và GĐ năm 2014.

* *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Hải Ph, sinh ngày 27/9/2006 và cháu Lê Hải T, sinh ngày 25/2/2009. Hiện tại do chị Ch (L) không có mặt tại địa phương nên HĐXX cần giao cháu Ph, cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành tự, lập được hoặc đến khi Tòa án có quyết định khác về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

* *Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức của vợ chồng*: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ch (L) vắng mặt. Mặt khác, anh H cũng không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

* Về án phí HNGĐ - ST: Nguyên đơn là anh Lê Quý H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử ly hôn giữa anh Lê Quý H và chị Nguyễn Thị Ch (tức Nguyễn Thị L).

2. *Về con chung:* Giao cháu Lê Hải Ph, sinh ngày 27/9/2006 và cháu Lê Hải T, sinh ngày 25/2/2009 cho anh Lê Quý H nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được hoặc đến khi Tòa án có quyết định khác thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức của vợ chồng:* Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Anh Lê Quý H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Anh H được đối trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0000091 ngày 23/5/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Án xử sơ thẩm công khai, anh H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Ch (L) vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND huyện Duy Tiên;*
- *Chi cục THADS huyện Duy Tiên;*
- *Các đương sự*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải